TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/DS-ST
Ngày: 21 - 11 - 2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Tuấn

Bà Diệp Huyền Thảo

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 26/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số:176/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Triệu Thị C, sinh năm: 1948; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Triệu Thị C: Ông Trần Hoàng A, sinh năm:1966; Địa chỉ: số C, khóm B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2024) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Triệu Thị C: Luật sư Tống Văn V, Công ty L3 thuộc đoàn Luật sư tỉnh T; Địa chỉ: Số C, đường N, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Lâm Văn H, sinh năm: 1976; (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Là bị đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Lâm Văn Q, sinh năm: 1974; (có mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
2. Bà Lâm Thị Bích L, sinh năm: 1977; (vắng mặt)
Địa chỉ: A đường C, phường I, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bà Lâm Thị Bích D, sinh năm: 1979; (có mặt)
4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Thị Bích L, bà Lâm Thị Bích D và ông Lâm Văn Q: Ông Trần Hoàng A, sinh năm: 1966; Địa chỉ: số C, khóm B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2024) (có mặt)
5. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1977; (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)
6. Bà Lâm Tiểu H1, sinh năm: 2006; (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
7. Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh; Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)
8. Ông Phan Văn T1, sinh năm: 1973; (vắng mặt)
9. Bà Khưu Thị Thanh T2, sinh năm: 1973; (vắng mặt)
10. Bà Phan Thị Tường D1, sinh năm: 1995; (vắng mặt)
11. Bà Phan Thị Tường L1, sinh năm: 2001; (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Triệu Thị C là nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Trần Hoàng A trình bày: Bà Triệu Thị C, sinh năm 1948 và ông Lâm Văn M (chết ngày 23/5/2014) có tất cả 04 người con bao gồm: Lâm Văn Q, Lâm Thị Bích L, Lâm Văn H và Lâm Thị Bích D. Quá trình chung sống bà C và ông M được ông bà để lại cho thửa đất 677 có diện tích 14.967m^2, loại đất ONT+CLN, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Khi ông Lâm Văn M còn sống thì ông bà đã họp mặt các con lại để phân chia diện tích đất trên bao gồm: Triệu Thị Cuội diện tích 3.858,3m^2; Lâm Văn Q diện tích 1.612,6m^2; Lâm Thị Bích Liễu diện tích 1.606,9m^2; Lâm Thị Bích D diện tích 1.961,2m^2, Lâm Văn H diện tích 2.166m^2 phần diện tích đất còn lại của thửa 677 thì để cho anh em dòng họ của ông Lâm Văn M ở nhờ, việc phân chia đã có cắm trụ ranh rõ ràng. Năm 2023 Lâm Văn Q đăng ký thửa số 33 , tờ bản đồ 56 diện tích 1.612,6 m^2, Lâm Thị Bích L ký thửa số 30 , tờ bản đồ 56 diện tích 1.606,9m^2, Lâm Thị Bích D ký thửa số 329, tờ bản đồ 56 diện tích 1.961,2 m^2,Triệu Thị C ký thửa số 23 , tờ bản đồ 56 diện tích 1.320,2 m^2 . Sau khi ông Lâm Văn M chết thì gia đình có họp mặt lại để yêu cầu ông Lâm Văn H làm thủ tục tách thửa theo diện tích nêu trên nhưng ông Lâm Văn H viện nhiều lý do để kéo dài không đồng ý tách thửa đất trên, sự việc đã được Ủy ban nhân dân xã L nhưng

không thành. Nay bà Triệu Thị C khởi kiện yêu cầu như sau:

+ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Lâm Văn H đứng tên quyền sử dụng đối với thửa đất 677 có diện tích 14.967m^2, loại đất ONT+CLN, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

+ Công nhận cho bà Triệu Thị C diện tích đất 3.858,3m^2 trong tổng diện tích 14.967m^2, loại đất ONT+CLN, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh để bà C được đứng tên quyền sử dụng đất.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của Lâm Thị Bích D, Lâm Văn Q, Lâm Thị Bích L: Các ông bà là con của ông Lâm Văn M và bà Triệu Thị C, thửa đất 677 có diện tích 14.967m^2, loại đất ONT+CLN, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh là của ông bà để lại cho ông M và bà C. Khi ông M còn sống có phân chia đất cho bà C và các con như lời khai của bà C. Nay các ông bà yêu cầu:

- Công nhận cho Lâm Thị Bích D được sử dụng diện tích 1.961,2m^2.
- Công nhận cho Lâm Văn Q được sử dụng diện tích 1.612,6m^2.
- Công nhận cho Lâm Thị Bích L được sử dụng diện tích 1.606,9m^2.

Theo lời khai của ông Lâm Văn H là bị đơn trình bày: Vào năm 2004 cha của ông là Lâm Văn M có làm di chúc cho ông thửa đất 677 có diện tích 14.967m^2, loại đất ONT+CLN, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh và căn dặn sau này cho con cháu ở không được sang bán. Khi ông M già yếu thì mẹ ông là bà C cùng các anh em tự cậm ranh chia đất. Theo di nguyện của cha ông, ông có lên Ủy ban nhân dân xã đồng ý tách 04 phần đất cho 04 người con của anh chị em của ông. Nhưng sau đó còn tranh chấp yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nói xấu gia đình ông. Ông đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Phan Văn T1, bà Khưu Thị Thanh T2, bà Phan Thị Tường D1, bà Phan Thị Tường L1: là người ở trên một phần thửa đất 677 có diện tích 14.967m^2, loại đất ONT+CLN, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh, Tòa án có đưa tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lời khai.

- *Ủy ban nhân dân huyện D có ý kiến trình bày tại văn bản số 10088/UBND-NC ngày 12/7/2024*:

Ngày 21/6/2024 ông Lâm Văn H có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa đất 677 có diện tích 14.967m^2, loại đất ONT+CLN, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh, nguồn gốc là của cha mẹ cho năm 2001, kèm theo tờ ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã L xác nhận ngày 29/6/2004. Ngày 19/8/2004 Ủy ban nhân dân huyện D cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Lâm Văn H là đúng trình tự, thủ tục, đối tượng sử dụng đất. Thành viên hộ gia đình được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng do không có tàn thư lưu cư trú của ông H nên không có cơ sở trả lời. Việc bà C yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Lâm Văn H, Ủy ban nhân dân huyện D đề nghị thực hiện theo quy định hiện hành.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không bổ sung, cung cấp chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn: Thửa đất số 677 diện tích 14.967m^2 có nguồn gốc của ông bà để lại cho ông Lâm Văn M. Khi ông M còn sống đã phân chia cho bà C, bà Bích D, bà Bích L, ông Q mỗi người một phần có cậm ranh sử dụng từ khi phân chia đất đến nay việc phân chia đất có các chị em ông M chứng kiến. Sau đó bà C và các con đã đăng ký kê khai theo văn bản cung cấp thông tin của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thống nhất rút lại phần diện tích chênh lệch giữa đơn khởi kiện của bà C và hiện trạng sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần diện tích đất rút đơn khởi kiện này. Đối với diện tích hiện trạng bà C, bà Bích D, bà Bích L, ông Q sử dụng có nguồn gốc do ông M phân chia. Ông H chỉ đồng ý chia cho các cháu con của chị L, chị D, anh Q là không không có căn cứ. Bỡi lẽ việc ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng pháp luật. Khi cấp quyền sử dụng đất cho ông H còn có nhà ở của bà C và ông T1, ông M Ủy quyền cho ông H nhưng Luật đất đai không ghi nhận việc ủy quyền sử dụng đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan độc lập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Triệu Thị C khởi kiện ông Lâm Văn H tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 26, Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2024 bà Triệu Thị C yêu cầu công nhận cho bà diện tích 3.858,3m^2 thuộc một phần thửa đất 677 có diện tích 14.967m^2, loại đất ONT+CLN, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa hôm nay người đại diện ủy quyền của bà C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu công nhận diện tích 1.654,7 m^2 (theo hiện trạng sử dụng) trên đất có nhà của

bà C cho bà C. Căn cứ Điều 224 Bộ Luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết yêu cầu khởi kiện đối với phần đất có diện tích 2.203,6m^2 thuộc thửa số 677 có diện tích 14.967m^2.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị C và yêu cầu độc lập của bà Lâm Thị Bích D, ông Lâm Văn Q, bà Lâm Thị Bích L.

Các đương sự thừa nhận thửa đất 677 có diện tích 14.967m^2, loại đất ONT+CLN, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc của ông bà chết để lại cho ông Lâm Văn M và bà Triệu Thị C nên đây là chứng cứ không phải chứng minh theo điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Diễn biến quá trình đăng ký kê khai thửa đất 677 có diện tích 14.967m^2, loại đất ONT+CLN, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Theo tài liệu năm đo đạc 1983, thuộc một phần các thửa đất sau:

+ Thửa đất số 911, tờ bản đồ số 1, diện tích 5.790m^2, loại đất: TQ do Phan Văn C1 kê khai trong sổ mục kê ruộng đất.

+ Thửa đất số 915, tờ bản đô số 1, diện tích 6.200m^2, loại đất: TQ do Lâm Thị K kê khai trong số mục kê ruộng đất.

Ông Lâm Văn Q khai tại tòa ông Phan Văn C1 là cha của Phan Văn T1, ông Lâm Thành K1 là cha của ông Lâm Văn M (ông nội của ông Q). Qua xác minh tại địa phương thì không có bà Lâm Thị K.

- Theo tài liệu đo đạc năm 1998: Thuộc thửa đất số 677, tờ bản đồ số 7, diện tích 14.967m2, loại đất: T-LNK do Lâm Văn M kê khai trong sổ mục kê ruộng đất.

Theo tài liệu năm đo đạc năm 2023, thuộc các thửa đất sau:

+ Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 56, diện tích 1.320,2m^2, loại đất: Đất ở và đất trồng cây lâu năm (ONT+CLN) do bà Triệu Thị C kê khai trên sổ mục kê đất đai.

+ Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 56, diện tích 2.166,8m^2, loại đất: Đất ở và đất trồng cây lâu năm (ONT+CLN) do ông Lâm Văn H kê khai trên sổ mục kê đất đai.

+ Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 56, diện tích 1.961,2m^2, loại đất: Đất trồng cây lâu năm (CLN) do bà Lâm Thị Bích D kê khai trên sổ mục kê đất đai.

+ Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 56, diện tích 1.606,9m^2, loại đất: Đất trồng cây lâu năm (CLN) do bà Lâm Thị Bích L kê khai trên sổ mục kê đất đai.

+ Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 56, diện tích 1.612,6m^2, loại đất: Đất trồng cây lâu năm (CLN) do ông Lâm Văn Q kê khai trên sổ mục kê đất đai.

+ Thửa đất số 66 tờ bản đồ 57, diện tích 5.649,5 m^2, loại đất ở và cây lâu năm (ONT+CLN) do Phan Văn T1 kê khai trên sổ mục kê.

[4] Diễn biến quá trình sử dụng đất số 677, tờ bản đồ số 7, diện tích 14.967m^2.

Ông Phan Văn T1 và Lâm Văn H cất nhà cấp 4 ở trên phần đất này các đương sự không tranh chấp phần diện tích đất của ông T1 và ông H sử dụng.

Phần còn lại diện tích 6.571,8 m^2 (theo tư liệu năm 2023) bà C, ông Q, bà D, bà L sử dụng trong này có nhà của bà C cất ở trước năm 2000.

[5] Xét việc cấp quyền sử dụng đất thửa đất số 677, tờ bản đồ số 7, diện tích 14.967m^2, loại đất: T-LNK cho Lâm Văn H đứng tên. Ông H khai khi ông M còn sống có làm giấy ủy quyền cho ông thửa đất này. Trong tờ khai nguồn gốc đất ngày 21/06/2004 ông H ghi đất do cha mẹ cho từ năm 2001, nhưng hồ sơ cấp quyền sử dụng đất không có hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hồ sơ chỉ có Tờ ủy quyền ngày 21/6/2001 của ông Lâm Văn M (BL 204), ông Lâm Văn M ủy quyền cho ông H sử dụng thửa đất số 677 và thửa số 446 diện tích 21.339 m^2 .

Bà Triệu Thị C khai không biết việc tặng cho đất ông H. Bà Lâm Thị L2, Lâm Thị Ú, Cô Thị H2 là em ruột và cháu ông Lâm Văn M cùng xác nhận thửa đất số 677, tờ bản đồ số 7, diện tích 14.967m^2 là của cha mẹ để lại cho ông Lâm Văn M. Khi ông M còn sống có phân chia đất thành 05 phần một phần để làm nơi thờ cúng và có chia cho bà Triệu Thị C, Lâm Thị Bích D, Lâm Văn Q, Lâm Thị Bích L mỗi người một phần.

Theo quy định tại Điều 106 Luật đất đai năm 2003 quy định người sử dụng đất có các quyền sau: Quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; quyền thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; quyền được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất Luật không có quy định việc ủy quyền sử dụng đất vĩnh viễn.

Mặt khác, khi cấp quyền sử dụng đất cho ông Lâm Văn H thì bà Triệu Thị C và ông Phan Văn T1 cất nhà ở ổn định trên đất nhưng không có ý kiến của bà C và ông T1 nên việc Ủy ban nhân dân huyện D cấp quyền sử dụng thửa số 677, tờ bản đồ số 7, diện tích 14.967m^2 cho ông Lâm Văn H là không đúng pháp luật. Bà Triệu Thị C yêu cầu hủy giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Lâm Văn H là có cơ sở để chấp nhận.

[6] Theo kết quả thẩm định ngày 01/10/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T bà Triệu Thị C sử dụng diện tích 1.654,7 m^2, bà Lâm Thị Bích L sử dụng diện tích 1.287,4 m^2, bà Lâm Thị Bích D sử dụng diện tích 1.900,6m^2 ông Lâm Văn Q sử dụng diện tích 1.479,6m^2, các đương sự thống nhất kết quả đo đạc này và yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất. Như nhận định trên bà C, bà D, bà L, ông Q được ông M phân chia đất và sử dụng ổn định nên công nhận cho các ông bà được quyền tiếp tục sử dụng đất.

[7] Trên thửa đất số 677, tờ bản đồ số 7, diện tích 14.967m^2 ông Phan Văn T1 có sử dụng và kê khai một phần nhưng ông không có tranh chấp trong vụ án này nên tòa án không xem xét giải quyết. Nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với các chứng cứ của vụ án nên được chấp nhận.

[9] Về lệ phí thẩm định, định giá: Bà Lâm Thị Mỹ D2 tự nguyện chịu toàn bộ, bà D2 đã nộp tạm ứng xong nên không phải nộp tiếp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 158, Điều 165, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị C.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lâm Thị Bích D, ông Lâm Văn Q, bà Lâm Thị Bích L.

- Đình chỉ xét xử việc rút đơn yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 2.538,1m^2 thuộc thửa số 677 của bà Triệu Thị C.

Tuyên xử:

1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 677 có diện tích 14.967m^2, loại đất ONT+CLN, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân huyện D cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Lâm Văn H ngày 19/8/2004.

2. Giao cho bà Triệu Thị C được quyền tiếp tục sử dụng diện tích 1.654,7 m^2 loại đất ở và cây lâu năm trong đó có 300 m^2 đất ở thuộc một phần thửa 677, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp Quốc lộ E dài 10,8m.

- Hướng Nam giáp kênh thủy lợi dài 13,7m.

- Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 677 do Lâm Văn H sử dụng có các đoạn dài 111,91m; 2,2m; 13,35m; 12,44m; 1,96m.

- Hướng Tây giáp phần đất bà LâmThị Bích Liễu sử dụng thuộc thửa 677 có các đoạn dài 133,1 m; 6,02m.

(Ký hiệu D3, D1 trên sơ đồ khu đất ngày 01/10/2024, trên đất có nhà và cây lâu năm của bà C đang sử dụng).

3. Giao cho bà Lâm Thị Bích L được quyền tiếp tục sử dụng diện tích 1.287,4 m^2 loại đất cây lâu năm thuộc một phần thửa 677, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp Quốc lộ E dài 7,59m.

- Hướng Nam giáp kênh thủy lợi dài 10,56m.

- Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 677 do bà Triệu Thị C sử dụng có các đoạn dài 133,1 m; 6,02m

- Hướng Tây giáp đất Lâm Thị Mỹ D2 sử dụng thuộc thửa 677 sử dụng có các đoạn dài: 128,59m; 8,09m;

(Ký hiệu C1, C3 trên sơ đồ khu đất ngày 01/10/2024).

4. Giao cho bà Lâm Thị Bích D được quyền tiếp tục sử dụng diện tích 1.900,6m^2 loại đất cây lâu năm thuộc một phần thửa 677, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.Có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp Quốc lộ E dài 12,91m.

- Hướng Nam giáp kênh thủy lợi dài 15,83m.

- Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 677 do bà Lâm Thị Bích L sử dụng có các đoạn dài 128,59 m; 8,09m.

- Hướng Tây giáp đất Lâm Văn Q sử dụng thuộc thửa 677 có các đoạn dài: 124,16m; 7,67m.

(*Ký hiệu B1, B3 trên sơ đồ khu đất ngày 01/10/2024).*

5. Giao cho ông Lâm Văn Q được quyền tiếp tục sử dụng diện tích 1.479,6m^2 loại đất cây lâu năm thuộc một phần thửa 677, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp Quốc lộ E dài 9,77m.

- Hướng Nam giáp kênh thủy lợi dài 15,68m.

- Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 677 do bà Lâm Thị Bích D sử dụng có các đoạn dài 124,16m; 7,67m.

- Hướng Tây giáp thửa 675, 676 có độ dài 5,17m; 28,9m; 5,39m; 22,34m; 16,75m;19,82m; 33,26m.

(Ký hiệu A1, A3 trên sơ đồ khu đất ngày 01/10/2024).

6. Bà Triệu Thị C, bà Lâm Thị Bích D, bà Lâm Thị Bích L và ông Lâm Văn Q có nghĩa vụ đăng ký kê khai quyền sử dụng đất để được cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

7. Về lệ phí thẩm định, định giá: 8.765.278 đồng, bà Lâm Thị Mỹ D2 đã nộp xong nên không phải nộp tiếp.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Văn H phải chịu 300.000 đồng. Hoàn trả cho bà Lâm Thị Bích L 4.420.000 đồng, bà Lâm Thị Bích D 5.394.000 đồng, ông Lâm Văn Q 4.434.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004467, 0004468, 0004469 ngày 01/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Án xử công khai có mặt đại diện nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung